

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 275/2023/DS-PT
Ngày 14 tháng 12 năm 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang;

Các Thẩm phán: bà Ngô Ngọc Phi;
ông Khuru Để Dành.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** ông Nguyễn Văn Mai
- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2023/TLPT-DS ngày 02/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân thành phố X, tỉnh An Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 293/2023/QĐ-PT ngày 03/11/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông A, sinh năm 1990; nơi cư trú: số 132, đường Trần Phú, khóm Đông Thịnh 9, phường Mỹ Phước, TP. X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: bà Lê Thị Lục, sinh năm 1965; nơi cư trú: 40/02 Thoại Ngọc Hầu, khóm 3, phường Mỹ Long, TP. X, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 03/8/2023), có mặt.

- **Bị đơn:**

1. Ông B, sinh năm 1978; nơi cư trú: 5-7 đường số 11, khu dân cư Bắc M, khóm T 2, phường N, TP. X, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông B: Luật sư L, Chi nhánh Cty Luật TNHH MTV I. Địa chỉ: 29 K, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Ông C, sinh năm 1976; nơi cư trú: 296/10, ấp P, thị trấn H, huyện S, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người kháng cáo: các bị đơn ông B và ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông A trình bày:

Ông B và ông C là anh em ruột, ông B có vay tiền ngân hàng và bị quá hạn trả thành nợ xấu nên không thể đáo hạn hay vay ngân hàng nên có liên hệ vay tiền của ông để trả nợ ngân hàng, chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để sang tên cho ông C, để ông C vay và trả nợ lại cho ông.

Vào ngày 30/6/2021, ông A có cho ông B và ông C vay số tiền 3.812.000.000đ (ba tỷ, tám trăm mười hai triệu đồng), thời hạn vay là 14 ngày, có ký biên nhận vay tiền.

Sau đó ông B có ủy quyền cho ông đi trả nợ ngân hàng và chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông C vay được 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), theo đó ông B và ông C đã trả cho ông A số tiền 3.312.000.000đ (ba tỷ, ba trăm mười hai triệu đồng), còn nợ lại 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Việc trả nợ này không có làm biên nhận hay giấy tờ gì với nhau, trả nợ tiền mặt.

Ông A đã nhiều lần liên hệ làm việc, nhắc nhở nhưng ông B và ông C không có thiện chí trả nợ.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và ông C trả cho ông A số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 14/4/2022 (là ngày trả nợ cuối cùng)

Án phí dân sự: theo quy định pháp luật.

- Theo đơn xin hoãn phiên tòa và tờ tường trình ngày 24/6/2023 bị đơn ông B trình bày:

Lý do xin hoãn phiên tòa do phần tiền vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) có liên quan đến phần vay thế chấp nhà số 10, đường số 11, khu dân cư Bắc M, phường N, Tp.X, An Giang do bà D đứng tên và ký cầm cố cho ông A. Phần biên nhận 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) do ông C ký biên nhận thực tế ông C không có nhận tiền từ ông A. Nên ông xin tòa tạm hoãn để ông cung cấp thông tin và các biên nhận tiền.

Phần tiền vay mượn có liên quan đến hợp đồng thế chấp cầm cố căn nhà nêu trên (ký bằng hình thức chuyển nhượng). Ông xin tạm hoãn phiên tòa để cung cấp chứng cứ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông C vắng mặt không tham gia phiên họp và không gửi tự khai trình bày ý kiến do đó không ghi nhận được ý kiến ông C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân thành phố X đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

Buộc ông B và ông C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A số tiền 565.479.000đ (năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi: 65.479.000đ (sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, ông B và ông C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 20/11/2023, ông B và ông C có văn bản trình bày ý kiến, cho rằng có xác lập hợp đồng vay tiền với ông A (500 triệu + 2,7 tỷ) bằng 3,2 tỷ, lãi suất 3%/tháng; trong đó 2,7 tỷ là giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và ông A, nhằm che giấu hợp đồng vay, tuyên bố vô hiệu. Yêu cầu Tòa án đưa bà D và Văn phòng công chứng H tham gia tố tụng; kèm theo các bản photo tin nhắn Zalo, giấy liệt kê nợ, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng đặt cọc không có chữ ký các bên.

Ngày 29/11/2023, ông B có đơn yêu cầu triệu tập bà D tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông B trình bày: hợp đồng vay giữa ông B và ông A có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, số nợ còn lại là 500.000.000 đồng từ tháng 7/2021, nhưng đã được cản trừ qua giao dịch mua bán căn nhà giữa bà Trang và ông A. Hợp đồng chuyển nhượng giữa Trang và A nhằm che giấu hợp đồng vay. Số tiền vay thực tế là 3,2 tỷ, cho vay với lãi suất 3%/tháng là vượt quá lãi suất quy định, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét làm rõ các khoản nợ, lãi suất vượt quá để cản trừ, hợp đồng giả tạo. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không tranh luận, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An A phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm tới thời điểm này, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nguyên tắc xét xử đối với phiên tòa phúc thẩm theo quy định Điều 64 BLTTDS và thành viên HĐXX, Thư ký phiên tòa đúng thành phần như nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và Chủ tọa phiên tòa đã tiến hành đúng, đầy đủ thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm theo quy định Điều 297 BLTTDS.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 86 BLTTDS và chấp hành đúng nội quy phiên tòa được quy định Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: ông B, C có ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021, vay của ông A số tiền 3.812.000.000 đồng, thời hạn 14 ngày sẽ trả. Đây là hợp đồng có kỳ hạn, không thỏa thuận lãi suất, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh nghĩa vụ các bên. Sau khi vay, ông B và ông C đã trả 3.312.000.000 đồng, còn nợ 500.000.000 đồng. Do ông C, ông B vi phạm nghĩa vụ nên ông A khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B và ông C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A số tiền 565.479.000đ (năm trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi: 65.479.000đ (sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới nên không cơ sở xem xét. Ông C kháng cáo, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông C.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông B, ông C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định, nên đủ cơ sở xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của ông B, ông C về việc đưa bà D và Văn phòng công chứng H tham gia tố tụng do liên quan Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và ông A là giả tạo: do yêu cầu này không được ông B, ông C trình bày, có đơn phản tố tại giai đoạn sơ thẩm theo quy định pháp luật tố tụng, nên không có cơ sở xem xét tại giai đoạn phúc thẩm.

Ông C, là bị đơn và là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; đồng thời căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông C.

[2] Về nội dung:

Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021 do ông A cung cấp thể hiện ông C và ông B có mượn của ông A số tiền 3.812.000.000đ (ba tỷ, tám trăm mười hai triệu

đồng), thời gian trả là 14 ngày. Giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết B và C. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B thừa nhận có ký Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021 và còn nợ lại 500.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày, nhưng cho rằng số tiền 500.000.000 đồng đã được cản trừ thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và ông A. Tuy nhiên, lời khai này của ông B không được nguyên đơn thừa nhận và các tài liệu do ông B cung cấp đều là bản photo nên không được xem là chứng cứ. Từ đó có cơ sở xác định, giữa ông A và ông B, ông C có xác lập hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Do ông C, ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ông A khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 14/4/2022 (ngày trả nợ sau cùng) cho đến ngày xét xử sơ thẩm, là có căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B và ông C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A số tiền 565.479.000đ (năm trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi: 65.479.000đ (sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng) là có căn cứ.

Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu có giá trị chứng minh, nên không có cơ sở xem xét. Tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho ông C, ông B đúng quy định pháp luật tố tụng. Ông B đã nhận được văn bản Tòa án và có Tờ tường trình ngày 26/6/2023 (Bút lục số 63). Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo số 631 ngày 28/6/2023 yêu cầu ông B cung cấp chứng cứ, nhưng đến ngày 04/8/2023 (ngày xét xử sơ thẩm), ông B vẫn không cung cấp và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông B là không có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm như Viện kiểm sát đề nghị.

[3] Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B, ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông C.

Không chấp nhận kháng cáo của ông B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân thành phố X

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

Buộc ông B và ông C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A số tiền 565.479.000đ (năm trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi: 65.479.000đ (sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông B và ông C cùng phải chịu 26.619.000đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông A số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001654 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông B phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002133 ngày 17/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Ông B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông C phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002134 ngày 17/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Ông C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TP. X;
- Chi cục THADS TP. X;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang

